

PHÂN TÍCH LỖI SAI CỦA SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN KHI HỌC ÂM UỐN LƯỖI TRONG TIẾNG HÁN VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ TRONG DẠY - HỌC

Trịnh Thị Thu Hương*

Đại học Thái Nguyên

Nhận đăng: 28/09/2017; Hoàn thành phản biện: 25/10/2017; Duyệt đăng: 27/12/2017

Tóm tắt: Âm uốn lưỡi là một trong những loại hình biến âm trong ngữ lưu tiếng Hán, nó gây ảnh hưởng tới ngữ nghĩa, ngữ pháp và sắc thái tu từ. Âm uốn lưỡi được sử dụng khá phổ biến trong khẩu ngữ, dù trong giao tiếp thông thường hay khi biểu đạt bằng khẩu ngữ mang sắc thái đặc thù như: dẫn chương trình, diễn thuyết, v.v... Các từ ngữ đi kèm âm uốn lưỡi góp phần làm phong phú lượng từ vựng, có ý nghĩa tích cực đối với sự phát triển của tiếng Hán hiện đại; tuy nhiên, do những giới hạn mang tính địa phương, âm uốn lưỡi là một trong những khó khăn trong giảng dạy khẩu ngữ tiếng Hán, đồng thời cũng là một trong những trở ngại lớn đối với người học. Trong phạm vi bài viết này, thông qua việc tìm hiểu những khó khăn của người học khi học âm uốn lưỡi, chúng tôi hy vọng có thể chỉ ra các nguyên nhân, từ đó đưa ra các kiến nghị trong giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, đồng thời giúp người học học tốt hơn nữa và nâng cao được trình độ tiếng Hán của mình.

Từ khóa: âm uốn lưỡi, kiến nghị, nguyên nhân

1. Mở đầu

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập tới hiện tượng âm uốn lưỡi trong phạm vi nghiên cứu về âm uốn lưỡi trong tiếng Hán hiện đại.

Theo khảo sát của nhà nghiên cứu Lý Tư Kính (1986), tại miền Bắc của Trung Quốc, hiện tượng âm uốn lưỡi đã có lịch sử hơn 300 năm; âm uốn lưỡi được sử dụng rộng rãi cả trong khẩu ngữ và các tác phẩm văn học được viết bằng tiếng Hán.

Tiếng phổ thông của Trung Quốc lấy âm Bắc Kinh làm âm chuẩn, do đó, âm uốn lưỡi đương nhiên cũng chiếm một vị trí không thể thiếu trong hệ thống ngữ âm tiếng phổ thông; ngôn ngữ viết sử dụng chữ “儿” để ghi lại âm uốn lưỡi. Việc khảo sát lịch sử hình thành và biến đổi của âm uốn lưỡi cần phải khảo sát quá trình xuất hiện và phát triển của các từ mang âm “儿”, tức sự biến đổi của các chữ Hán được cấu thành bởi hậu tố này. Vai trò của âm uốn lưỡi đã trải qua các giai đoạn sau:

(1) Giai đoạn thứ nhất: Chữ “儿” tự tạo thành một âm tiết, đứng sau một âm tiết khác với vai trò của một hậu tố cấu tạo từ, lúc này, vai trò của nó giống như vai trò của hậu tố “子”, “头”.

(2) Giai đoạn thứ hai: Chữ “儿” mất đi ý nghĩa ban đầu, biến đổi hoàn toàn thành một hậu tố, do đó về âm đọc cũng sẽ có sự biến đổi tương ứng. Âm “儿” được đọc nhẹ với hình thức “N+儿”, ví dụ như: “小宝贝儿”.

(3) Giai đoạn thứ 3: Với sự ảnh hưởng từ đặc trưng phát âm của âm “儿”, vận mẫu của âm tiết đứng trước cũng bị biến đổi thành các âm uốn lưỡi, lúc này, nó được xem như phương thức tu từ trong khẩu ngữ, dùng để biểu thị sắc thái tình cảm.

Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, chúng tôi tập trung trả lời những câu hỏi sau:

* Email: tringthuhuong.sfl@tnu.edu.vn

(1) Tại sao âm uốn lưỡi là một trở ngại lớn đối với người học? Trở ngại đó là gì?

(2) Phương pháp khắc phục những trở ngại nói trên là gì?

Âm uốn lưỡi trong tiếng Hán hiện đại có ưu điểm là góp phần làm phong phú thêm lượng từ ngữ, tăng khả năng biểu đạt ngôn ngữ, do đó nó đóng vai trò tích cực trong sự phát triển của tiếng Hán. Tuy nhiên, do mang những đặc điểm mang tính địa phương, việc dạy - học âm uốn lưỡi trở thành một trong những khó khăn trong dạy học tiếng Hán nói chung và dạy học ngữ âm nói riêng. Việc nghiên cứu có trọng điểm về hiện tượng âm uốn lưỡi trong tiếng Hán hiện đại sẽ góp phần giải quyết vấn đề này.

Trong phạm vi bài viết này, nghiên cứu của chúng tôi tập trung phân tích tính chất và vai trò của âm uốn lưỡi, quy luật phát âm; đồng thời, đưa ra những kiến nghị dạy học trên cơ sở khảo sát thực trạng giảng dạy của giảng viên và tình hình học tập của sinh viên, từ đó đưa ra các kiến nghị trong dạy - học và mong muốn có thể được ứng dụng các kết quả đạt được vào dạy học, nhằm khắc phục những khó khăn trong giảng dạy và học tập, nâng cao chất lượng dạy học tiếng Hán.

2. Cơ sở lý luận

Tiếng Hán là ngôn ngữ đặc sắc, hiện tượng âm uốn lưỡi là một trong số đó, tuy nhiên, âm uốn lưỡi không đơn thuần là một hiện tượng ngữ âm, nó còn là một bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống từ vựng tiếng Hán. Từ đầu thế kỷ 20, các học giả đã tiến hành nhiều nghiên cứu về hiện tượng này. Cho tới nay, vấn đề này vẫn tiếp tục nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu. Dưới nhiều góc độ và nhiều lý luận nghiên cứu tiên tiến khác nhau, các nhà nghiên cứu đã đạt được những thành tựu lớn, trong đó, thành tựu lớn nhất đạt được là về mặt ngữ âm.

Trong tiếng Hán, hiện tượng âm uốn lưỡi là kết quả biến âm của vận mẫu; trong số 39 vận mẫu, chỉ trừ vận mẫu “儿” tự tạo thành một âm tiết độc lập (bản thân nó là một nguyên âm uốn lưỡi), còn lại 38 vận mẫu đều có vận mẫu tương ứng. Âm uốn lưỡi khi kết hợp với vận mẫu của một âm tiết phía trước sẽ tạo thành một âm mới hoàn chỉnh và bị mất đi vai trò là một âm tiết độc lập; lúc này, nó không còn là một chữ Hán dùng để đại diện cho một âm tiết mà là hai chữ Hán đại diện cho một âm tiết. Thí dụ, khi đọc âm “花儿”, âm tiết “儿” không còn được đọc như một âm tiết độc lập mà khi đọc gần hết âm “花” thì thực hiện ngay động tác uốn lưỡi, điều này sẽ khiến cho vận mẫu của âm “花” mang âm uốn lưỡi. Khi viết chữ Hán “花儿” bằng phiên âm, chỉ cần thêm “r” (biểu thị uốn lưỡi) vào sau âm tiết “huā”. Như vậy, từ một chữ Hán đại diện cho một âm tiết mang nghĩa cụ thể, “儿” khi đọc kết hợp với một âm tiết khác đã chỉ còn là một hậu tố, là một đơn vị ngữ pháp, có tác dụng cấu tạo từ và làm tăng hoặc làm thay đổi nghĩa bổ sung.

Về bản chất, khi uốn lưỡi, vận mẫu của một âm tiết được hòa âm cùng âm này, và kết quả là dẫn tới sự thay đổi của vận mẫu, thanh mẫu thậm chí là cả thanh điệu của âm tiết đó. Không chỉ vậy, nó còn giúp thể hiện những sắc thái biểu cảm như vui sướng, tán thưởng, yêu thích, v.v... Các từ ngữ được cấu thành từ âm uốn lưỡi được sử dụng rộng rãi, ngoài vai trò khu biệt từ loại, khu biệt ý nghĩa và biểu đạt sắc thái ý nghĩa tư tưởng, tình cảm phong phú thì còn mang phong cách ngôn ngữ rõ nét.

Chính vì bản thân âm uốn lưỡi mang những đặc trưng rất riêng nên đây cũng là một khó khăn lớn cho quá trình dạy học tiếng Hán và độ khó tương đối lớn của âm uốn lưỡi đã khiến cho nó trở thành một trở ngại lớn trong việc dạy - học ngữ âm. Qua điều tra thực tế dạy - học, nghiên cứu những lỗi sai mà người học phạm phải về mặt nghe và phát âm, chúng tôi thấy rằng, rất nhiều sinh viên không hiểu rõ về chức năng, mô phỏng âm một cách cứng nhắc hoặc phát âm không chuẩn.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên 96 Sinh viên chuyên ngành tiếng Trung, độ tuổi từ 18 - 22, có cơ quan phát âm, thính giác bình thường. Số sinh viên này được chia thành các nhóm như sau:

- Nhóm sinh viên năm thứ nhất: 20 người. Nhóm sinh viên này vừa kết thúc giai đoạn rèn luyện âm. Mục đích của bài kiểm tra là nhằm hiểu rõ những khó khăn mà họ gặp phải khi mới học âm uốn lưỡi trong tiếng Hán.

- Nhóm sinh viên năm thứ hai: 28 người. Mục đích của bài kiểm tra là nắm được mối liên hệ giữa những lỗi sai khi phát âm uốn lưỡi ở giai đoạn sơ - trung cấp với các giai đoạn khác.

- Nhóm sinh viên năm thứ ba và thứ tư: 22 sinh viên năm thứ ba và 26 sinh viên năm thứ tư. Mục đích của bài kiểm tra là hiểu rõ về những lỗi sai của sinh viên năm cuối khi phát âm uốn lưỡi.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích: Tiến hành phân tích ngữ nghĩa và phân tích ngữ pháp về vần “*ㄌ*” hóa trong tiếng Hán hiện đại.

- Phương pháp khảo sát: Khảo sát tình hình sử dụng vần “*ㄌ*” hóa trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên trên cơ sở đó đề xuất các kiến nghị dạy học.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Qua điều tra, chỉ có 8.3% số sinh viên trong thực tế cuộc sống thường xuyên sử dụng các từ có liên quan đến âm uốn lưỡi và có tới 95.7% số sinh viên thậm chí không sử dụng các từ này do họ cho rằng mình không hiểu rõ về quy luật đọc âm. Từ kết quả điều tra cho thấy:

- 16.7% sinh viên năm thứ nhất chỉ miễn cưỡng mô phỏng lại âm của giảng viên.

- 89.6% số sinh viên tuy có biết về âm uốn lưỡi trong tiếng Hán nhưng không nắm rõ các nội dung liên quan, do đó họ không thực sự hiểu rõ về các kiến thức ngữ âm và cách phát âm của âm uốn lưỡi; thậm chí, có tới 20.8% số sinh viên năm thứ nhất hoàn toàn mơ hồ về điều này.

- 27.1% số sinh viên năm thứ nhất và thứ hai cho rằng việc phát âm chuẩn xác âm uốn lưỡi không có mối liên hệ lớn đối với công việc, cuộc sống của mình, do đó họ không thực sự coi trọng điều này.

- 87.5% số sinh viên chỉ đọc âm uốn lưỡi khi đọc bài khóa trong giáo trình, còn trong thực tế giao tiếp họ rất ít khi sử dụng các từ có âm uốn lưỡi.

- 55.2% sinh viên cho rằng tuy họ đã từng được học về cách ghi phiên âm âm uốn lưỡi và nhận thấy rằng các quy luật phát âm của loại âm này không khó ghi nhớ, song có tới 44.8% số sinh viên năm thứ hai, ba và năm thứ tư tự nhận thấy họ phát âm không thực sự chuẩn xác.

Những âm khi kết hợp với âm uốn lưỡi được đọc khá chính xác bao gồm:

- Vận mẫu đơn a (89.6%), e (90.1%)

- Vận mẫu kép ai (71.2%), ua (78.1%), ao (87.1%), ie (80.1%), üe (83.2%). Theo quy tắc phát âm, đây đều là những vận mẫu khi đọc kết hợp cùng âm uốn lưỡi thì phải lược bỏ phần vận mẫu cuối.

- Vận mẫu uan (71.1%), en (66.3%) khi đọc kết hợp cùng âm uốn lưỡi thì phải lược bỏ phần vận mẫu cuối.

- Vận mẫu i(ɿ) (72.2%)

Những âm khi kết hợp với âm uốn lưỡi dễ đọc sai bao gồm:

- Các vận mẫu mang âm mũi, khi đọc uốn lưỡi phải lược bỏ phần đuôi “ng”

Cá biệt, có một số các vận mẫu kép có tỷ lệ phát âm sai chiếm tới trên 40% như:

- Sinh viên năm thứ nhất:

ai (43.08%), ei (59.62%), iang (52.56%), ueng (42.31%), ü (61.54%)

- Sinh viên năm thứ hai:

ang (44.64%), ueng (53.57%), ü (52.38%), ün (46.43%)

- Sinh viên năm thứ ba:

eng (50%), uang (59.09%), ueng (45.45%), ü (59.09%), ün (40.91%)

- Sinh viên năm thứ tư:

ei (67.50%), i(42.86%), ie (55.0%), in (51.67%), iong (50%), uai (75%)

Ngoài ra, kết quả điều tra còn cho thấy, những lỗi sai về thính giác và phát âm khi phát âm âm uốn lưỡi đều tập trung ở nhóm sinh viên năm thứ nhất. Ở bất kỳ nhóm âm nào, tỷ lệ lỗi sai của nhóm sinh viên năm thứ nhất đều cao nhất.

Đối với sinh viên năm ba và năm tư, khả năng nghe chính xác âm uốn lưỡi tiến bộ khá nhanh, lý do là họ đều đã được học qua môn học Ngữ âm tiếng Hán, trong đó có các nội dung kiến thức ngữ âm về âm uốn lưỡi được trình bày rõ ràng (bao gồm cả quy luật phát âm), yêu cầu sinh viên phải nắm chắc, vì thế khả năng viết phiên âm và nghe chính xác âm này tốt hơn hẳn so với sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai. Tuy nhiên, tỷ lệ lỗi sai khi phát âm còn khá lớn. Những lỗi sai đặc trưng về mặt thính giác và phát âm của các nhóm sinh viên trên như sau:

- Tỷ lệ lỗi sai có sự phân bố không đồng đều

- Tỷ lệ lỗi sai về thính giác và phát âm ở sinh viên năm thứ nhất đều chiếm tỷ lệ cao nhất. Sinh viên ở giai đoạn sơ cấp thiếu kiến thức ngữ âm về âm uốn lưỡi, họ chỉ có những nhận thức cảm tính về loại âm này. Đối với sinh viên năm thứ hai, ba và năm thứ tư, tỷ lệ lỗi sai đã giảm xuống, đặc biệt là về năng lực thính giác.

Bảng 1. Phân bố tỷ lệ lỗi sai về thính giác và phát âm

Năm thứ	Thính giác	Phát âm
Năm thứ nhất	33%	30.2%
Năm thứ hai	29.4%	27.2%
Năm thứ ba	23.1%	24.9%
Năm thứ tư	16.3%	21.93%

- Khoảng cách tỷ lệ lỗi sai không đồng đều

Với khởi điểm năm thứ nhất, qua một thời gian học tập, sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư có sự tiến bộ rất nhanh về mặt thính giác so với sinh viên năm thứ hai; về mặt phát âm, sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư tiến bộ chậm hơn so với sinh viên năm thứ hai. Cụ thể là:

Bảng 2. Khoảng cách tỷ lệ lỗi sai

Từ năm thứ..... đến năm thứ	Khoảng cách tỷ lệ lỗi sai	
	听觉	发音
1 - 2	3.6%	3%
2 - 3	6.3%	2.3%
3 - 4	6.8%	2.97%

- Phát âm cứng nhắc, đọc sai âm

a. Âm -a, -ia, -ua sau khi đọc uốn lưỡi trở thành đồng âm với -anr (hoặc -air), -ianr, -uanr (hoặc -uair).

(刀)把儿 = (快)板儿 (一)下儿 = (露)陷儿 (麻)花儿 = (拐)弯儿

b. Âm -iang sau khi đọc uốn lưỡi thành âm -ia:

(花)样儿——(豆)芽儿

c. Âm -uang đọc thành âm -uanr, -uar:

(打)晃儿 = (落)款儿 (天)窗儿 = (牙)刷儿

d. Vận mẫu đơn e sau khi đọc uốn lưỡi thành đồng âm với -ir (hoặc -eir)

(模)特儿 = (挑)刺儿 (在)这儿 = (刀)刃儿

e. Âm -eng sau khi đọc uốn lưỡi thành đồng âm với -enr:

(夹)缝儿——(把)门儿

f. Âm -ing sau khi đọc uốn lưỡi thành đồng âm với -inr:

(勃)颈儿——(人)影儿 (眼)镜儿——(脚)印儿

g. Âm –ie, üe sau khi đọc uốn lưỡi thành đồng âm với –ir, –ür

(树)叶儿 = (玩)意儿 (主)角儿 = (毛)驴儿

h. Âm –uo sau khi đọc uốn lưỡi thành đồng âm với –unr, –uir

(火)锅儿 = (冰)棍儿 (大)伙儿 = (墨)水儿 (打)盹儿 = (跑)腿儿

i. Âm –ueng sau khi đọc uốn lưỡi thành đồng âm với –uir

(小)翁儿 = (走)味儿

4.2. Thảo luận

Nguyên nhân dẫn tới việc học âm uốn lưỡi trở nên khó khăn bắt nguồn từ chính sự phức tạp của loại âm này, ngoài ra còn có nguyên nhân đến từ sự hạn chế về kiến thức ngữ âm của người học. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này, chúng tôi xin chỉ ra một số nguyên nhân sau:

(1) Ảnh hưởng từ thói quen phát âm

Khi người học mới bắt đầu học âm uốn lưỡi, họ mới chỉ có kiến thức ngữ âm tiếng Việt và tiếng Anh (do tại Việt Nam, phần lớn người học được học tiếng Anh từ cấp 2 đến cấp 3). Trong khi những kiến thức ngữ âm về âm uốn lưỡi còn có hạn, người học sẽ dễ dàng chịu ảnh hưởng từ cách phát âm của ngôn ngữ đã được học (tiếng Việt hoặc tiếng Anh).

(2) Không hiểu rõ kiến thức ngữ âm và cách phát âm

(3) Bỏ ít thời gian và công sức cho việc học tập và đọc âm uốn lưỡi

Do tính phức tạp của chính bản thân âm uốn lưỡi, người học không dễ dàng nắm được cách phát âm chính xác, từ đó không coi âm uốn lưỡi là một loại âm cần được tập trung rèn luyện như thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.

(4) Cách phiên âm và cách đọc âm uốn lưỡi không thống nhất

Cách phiên âm âm uốn lưỡi chỉ quy định thêm chữ “r” vào sau âm tiết để biểu thị rằng âm tiết này khi đọc cần phải uốn lưỡi, trong khi đó, để phát âm chuẩn xác thì cần phải nắm được quy luật phát âm. Những âm tiết khi cần uốn lưỡi mà phải bỏ đi vần cuối khiến cho vận mẫu gốc có sự thay đổi, gây nên những khó khăn trong việc phát âm, đây chính là một trong những khó khăn rất lớn đối với người học.

(5) Bản thân người hướng dẫn phát âm chưa chuẩn xác, năng lực thẩm âm chưa tốt

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là giảng dạy ngữ âm, ảnh hưởng của người dạy đối với người học là rất lớn do người học luôn coi cách phát âm của người dạy là mẫu để mô phỏng theo. Rõ ràng là, nếu bản thân người dạy phát âm không chuẩn, kiến thức ngữ âm không nắm vững, năng lực thẩm âm không tốt thì dù người học có phát âm theo quy luật, nghe bằng hướng dẫn phát âm nhưng không phải lúc nào cũng có thể phân biệt hoặc mô phỏng phát âm một cách chính xác. Do đó, đòi hỏi người dạy cần có kiến thức ngữ âm vững chắc, có kinh nghiệm giảng dạy để có thể giúp người học tránh được các lỗi sai khi phát âm.

(6) Những yếu tố về mặt tâm - sinh lý

- Yếu tố tuổi tác:

Khi tuổi tác tăng lên, đồng nghĩa với việc khả năng linh hoạt của bộ não theo đó sẽ giảm xuống. Sinh viên là đối tượng ở vào giai đoạn không còn có thể dễ dàng tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai như ở trẻ nhỏ, do đó, họ dễ chịu ảnh hưởng từ những âm đã quen thuộc hoặc những âm tương tự được học ở ngôn ngữ khác (như tiếng Việt, tiếng Anh).

Ở giai đoạn sơ cấp (năm thứ nhất đại học), người học sẽ không ngừng tư duy để quy nạp, tổng kết các quy luật của ngôn ngữ thứ hai; song do còn có sự hạn chế về kiến thức ngữ âm hoặc do những sai sót trong quá trình luyện âm gây ra nên những quy luật được người học tư tổng kết chưa chính xác, khi vận dụng tất nhiên sẽ gây ra lỗi sai, còn một khi quy luật đã hình thành thì lại rất khó để sửa đổi.

- Yếu tố tâm lý:

Các nhà tâm lý học cho rằng, con người luôn có tâm lý quen với việc sử dụng và tiếp xúc với hệ thống ngôn ngữ của mình, không quen với việc sử dụng và tiếp xúc với hệ thống ngôn ngữ khác, nhất là với những hiện tượng ngôn ngữ khó học khó nhớ như âm uốn lưỡi. Điều này tạo ra tâm lý bài trừ, không tiếp nhận.

(7) Những yếu tố khác

Khả năng phát âm của người học ở giai đoạn năm thứ nhất và năm thứ hai có những tiến bộ rất nhanh. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm thứ hai, khi bước vào giai đoạn trung cấp, lượng kiến thức về ngữ pháp, từ vựng tăng lên nhanh chóng, các môn học chuyên ngành đòi hỏi người học phải nghe giảng viên giảng bài bằng tiếng Trung; vì vậy, người học không thể không tập trung vào việc học ngữ pháp và từ vựng. Do đó, tới năm thứ ba và năm thứ tư, khả năng nghe của người học tăng lên rõ rệt, song khả năng phát âm tiến bộ rất chậm hoặc không có nhiều tiến bộ, thậm chí là suy giảm, khiến cho việc phát âm âm uốn lưỡi trở nên cứng nhắc hơn.

5. Kiến nghị

Điểm mấu chốt trong việc dạy học âm uốn lưỡi nằm ở giai đoạn dạy học ngữ âm. Dựa trên cơ sở lý luận dạy học ngữ âm tiếng Hán và thông qua việc hiểu rõ nguồn gốc của những lỗi sai của sinh viên khi học loại âm này, chúng tôi xin đưa ra những kiến nghị dưới đây nhằm nâng cao chất lượng dạy - học âm uốn lưỡi tiếng Hán:

5.1. Phương pháp chỉnh sửa âm đọc sai

(1) Đối với các từ được ghi phiên âm thêm chữ “r” sau mỗi âm tiết yêu cầu đọc uốn lưỡi thì khi đọc phải tuân thủ theo quy luật phát âm, đối với những từ nếu không yêu cầu thêm âm uốn lưỡi thì không được tùy tiện đọc uốn lưỡi. Khi đọc to, có một số từ theo thói quen thường dễ bị thêm âm uốn lưỡi, ví dụ như “君子”, “早点”, “口头” thường hay chịu ảnh hưởng từ những từ thường được lặp lại nhiều lần khi tập phát âm như: “瓜子儿”, “石子儿”, “一点儿”, “有点儿”, “差点儿”, “老头儿”, “年头儿”, v.v...

(2) Nhớ chắc quy tắc đọc âm uốn lưỡi

Âm uốn lưỡi khi đọc kết hợp với các vận mẫu khác phải được đọc một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, không được đọc âm này tách rời khỏi âm tiết đứng trước. Cùng lúc với việc đọc âm tiết

phía trước, đầu lưỡi cần uốn cong lên nhẹ nhàng. Ngoài ra, thanh điệu của một âm tiết sau khi đọc uốn lưỡi phải thống nhất với thanh điệu ban đầu của âm tiết đó.

(3) Khi đọc to các từ có đi kèm âm uốn lưỡi, do không sử dụng thường xuyên và luyện tập không nhiều nên khi đọc thường thấy rất cứng nhắc, vì vậy, người học thường đọc nặng âm này để nhấn mạnh việc uốn lưỡi. Tuy nhiên, âm uốn lưỡi cần phải được đọc nhẹ nhàng, nhanh, mang lại cho người nghe cảm giác dễ chịu vì nếu đọc nặng, sẽ làm khuyết thanh điệu hoặc làm cho âm tiết phía trước và âm uốn lưỡi bị đọc tách rời.

5.2. Tăng cường chất lượng của đội ngũ giảng viên

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, giảng viên cần:

(1) Giảng viên cần nâng cao kiến thức lý luận ngữ âm, nắm vững quy luật phát âm, tuân thủ các nguyên tắc dạy học ngữ âm, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với các sinh viên có đặc điểm khác nhau. Đồng thời, chính bản thân giảng viên cũng cần chỉnh sửa phát âm cho đúng, bắt buộc phải đạt tới mức chuẩn xác, nâng cao năng lực thẩm âm.

(2) Dạy từ dễ đến khó, luyện tập từng vận mẫu đơn đi kèm âm uốn lưỡi trước rồi mới tới các vận mẫu kép đi kèm âm uốn lưỡi và các vận mẫu mang âm mũi đi kèm âm uốn lưỡi.

(3) Giảng viên cần giúp đỡ sinh viên thay đổi phương pháp học đúng đắn kịp thời. Dựa trên cơ sở kiến thức ngữ âm liên quan và nắm vững phương pháp phát âm, sinh viên cần nghe nhiều lần âm chuẩn, mô phỏng âm đọc, chỉnh sửa các thói quen phát âm của cá nhân.

Người học có thể áp dụng theo phương pháp mô phỏng trực tiếp và mô phỏng tự giác, trong đó: Mô phỏng trực tiếp là phương pháp mô phỏng y nguyên âm nghe được theo chủ quan của người nghe mà không cần biết tại sao lại phải như vậy; mô phỏng một cách tự giác có nghĩa là không ngừng cảm nhận, phân tích, so sánh và tự điều chỉnh các động tác phát âm theo sự hướng dẫn của giảng viên.

Trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Hán nói riêng, sự mô phỏng của người học nên là sự mô phỏng tự giác, tuy nhiên cũng không thể chỉ dựa vào sự mô phỏng. Trong quá trình luyện âm, với kiến thức lý luận về ngữ âm, giảng viên cần giúp đỡ sinh viên cảm nhận được chính xác vị trí phát âm, từ đó mô phỏng theo một cách có ý thức.

5.3. Tập trung giảng dạy ngữ âm

Trên lớp, nếu giảng viên chỉ tiến hành giảng dạy một cách đơn thuần thì không khí lớp học sẽ trở nên đơn điệu, người học sẽ dễ có cảm giác mệt mỏi, vì thế lại càng thấy âm uốn lưỡi trở nên khó nhớ, khó đọc. Giảng viên có thể kết hợp các hoạt động ngoại khóa như xem phim Trung Quốc, nghe nhạc, v.v... để yêu cầu người học mô phỏng và dần giúp người học hình thành cảm nhận phong phú về âm uốn lưỡi.

Để người học hiểu sâu về các kiến thức trọng tâm, từ đó đạt được hiệu quả củng cố, nâng cao, giảng viên cần tập trung thiết kế bài giảng theo hướng khẩu ngữ hóa nhằm tăng cường hoạt động luyện tập, chỉnh sửa lỗi phát âm cho người học: Trước hết, giảng viên chia nhóm để sinh viên đọc to những từ mang âm uốn lưỡi thường dùng; đối với những sinh viên có vấn đề về phát âm thì yêu cầu sinh viên đó đọc từng âm một để sửa lỗi phát âm thông qua việc chỉ ra được vị trí phát âm sai. Sau đó, phát băng các âm chuẩn có liên quan, yêu cầu sinh viên vừa nghe vừa

đọc theo. Các hoạt động rèn luyện khẩu ngữ trên lớp này vừa có tác dụng củng cố đối với các âm uốn lưỡi khó, vừa giúp sinh viên ôn tập lại kiến thức ngữ âm đã được học. Những bài tập củng cố, bài tập về nhà giao cho sinh viên cũng yêu cầu sinh viên phải đọc to một cách chính xác.

5.4. Rèn luyện âm uốn lưỡi kết hợp với rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết

Nghe và nói là môi trường hoạt động của ngữ âm, cũng là mục tiêu cuối cùng của hoạt động giao tiếp. Việc nghe nhiều tiếng Hán không những giúp tăng lượng thông tin lời nói mà còn giúp hình thành và duy trì thói quen nghe tiếng Hán. Tương tự như vậy, việc thường xuyên luyện nói tiếng Hán không chỉ giúp tăng cường năng lực biểu đạt bằng ngôn ngữ Hán mà quan trọng là làm tăng cường thói quen phát âm tiếng Hán, tránh được những chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ.

Để phối kết hợp rèn luyện âm uốn lưỡi với rèn luyện nghe và nói, trong toàn bộ quá trình đó, giảng viên cần kiên trì kèm cặp sinh viên và đưa ra những yêu cầu nghiêm khắc, ví dụ như khi phát âm phải lưu loát, chính xác theo đúng vị trí phát âm và quy luật phát âm nhằm hình thành thói quen nghe và phát âm; chỉnh sửa ngay lỗi cho sinh viên và giúp họ chỉ ra lỗi sai và sửa lỗi.

Đối với việc kết hợp rèn luyện âm uốn lưỡi với rèn luyện đọc, trước hết cần phải thấy rằng không phải bất kỳ từ nào khi được kết hợp với âm uốn lưỡi cũng mang lại cảm giác thân thiết, dễ chịu như khi đọc những từ như “小白兔儿, 浪花儿”, thậm chí nếu thêm âm uốn lưỡi sau từ đó thì còn làm biến đổi ý nghĩa của từ, ví dụ: từ “小孩” trong câu “猴子穿着衣服, 打扮得像个小孩” (trích từ truyện “坐井观天”) có thể đọc thêm âm uốn lưỡi mang lại cảm giác đáng yêu, song nếu thêm vào âm uốn lưỡi sau từ “一块” trong câu “漓江的水真绿呀, 绿得仿佛那是一块无瑕的翡翠” (trích từ “桂林山水”) lại khiến người nghe cảm thấy Lệ Giang vốn là một cỏ trấn rộng lớn trở nên thật nhỏ bé, đồng thời làm mất đi vẻ đẹp ngôn ngữ của tác phẩm.

Bên cạnh đó, việc thêm âm uốn lưỡi vào sau từ cần phải phù hợp với sắc thái tình cảm của câu, tức là khi biểu đạt sắc thái vui vẻ, yêu mến thì có thể thêm âm uốn lưỡi; còn khi câu văn biểu đạt những sắc thái như: oán hận, kích động thì không thêm âm uốn lưỡi. Ví dụ: trong câu văn miêu tả ngoại hình của một chú gấu trúc đen to lớn “一双眼圈又圆又黑” thì từ “眼圈” nên được đọc thành “眼圈儿”, giúp người đọc cảm nhận được sự yêu mến của tác giả đối với chú gấu trúc đen; hoặc như từ “水花” trong câu “小鱼儿在荷叶下笑嘻嘻的游来游去, 捧起一朵朵很美丽很美的水花” có thể đọc thành “水花 (儿)” vì sự vật được phản ánh rất đẹp đẽ; ngược lại, từ “话” trong câu “去年你在背地里说我的坏话” không nên đọc thành “话儿” vì rõ ràng câu nói trên biểu đạt sự tức giận từ phía người nói.

Khi đọc, việc thêm hay không thêm âm uốn lưỡi còn tùy thuộc vào thói quen ngôn ngữ, nếu cố tình thêm vào sẽ gây cứng nhắc.

6. Kết luận

Rất rõ ràng rằng, trong tiếng Hán, âm uốn lưỡi có vai trò đặc biệt không thể xem nhẹ nên tất nhiên việc học tiếng Hán không thể bỏ qua loại âm này. Vì thế, việc dạy tốt, học tốt âm uốn lưỡi là một nhiệm vụ quan trọng trong dạy học tiếng Hán; và cũng bởi vì nó khó học, khó nhớ quy luật phát âm nên việc đi sâu nghiên cứu phương pháp giảng dạy loại âm này càng trở nên

cần thiết và quan trọng hơn. Để nâng cao chất lượng dạy - học âm uốn lưỡi trong tiếng Hán, giảng viên cần sử dụng các phương pháp dạy học tổng hợp, thay đổi phương pháp một cách phù hợp, kiên trì mục tiêu dạy học nhằm giúp sinh viên giảm thiểu tối đa các lỗi sai và nâng cao được trình độ nghe và phát âm.

Tài liệu tham khảo

- 刘红梅(2003). *实用汉语语音* 安徽: 安徽教育出版社
- 所词典编辑室(2002). *现代汉语词典* 香港: 商务印书馆
- 故翻刘, 文月, 丰华, 娱乐(2007). *实用现代汉语语音* 香港: 商务印书馆
- 曹文(2000). *汉语发音与纠正* 北京: 北京大学出版社
- 李明(2003). *汉语普通话语音纠正* 北京: 北京语言大学出版社
- 林茂仙 (1989). *实验语言学概要* 北京: 高等教育出版社, 中国社会科学院语言研究所
- 现代汉语辞典词典*(2004). 北京: 外语教育学与研究出版社, 语文出版社
- 珠德燕(2007). *语去讲义* 香港: 商务印书馆
- 语言与语言学词典(1981). 上海: 上海辞书出版社
- 邢福义(1993). *现代汉语* 北京: 高等教育出版社
- 郭锐(2002). *现代汉语词典研究* 香港: 商务印书馆
- 鲁允中(2001). *轻声和儿化* ,香港: 商务印书馆

ERROR ANALYSIS OF STUDENTS AT THAI NGUYEN UNIVERSITY - SCHOOL OF FOREIGN LANGUAGES WHEN STUDYING CHINESE TONGUE TWISTER SOUND AND IMPLICATIONS IN TEACHING AND LEARNING

Abstract: Tongue twister sound is one of types of sound variations in Chinese dialect. It affects semantics, syntax and rhetorical nuance. Tongue twister sound is commonly used in oral language, either in daily communication or in specific language expressions such as: host, lecture, etc. The words associated with the tongue twister sound contribute to the abundance of vocabulary, which has positive effects on the development of the modern Chinese. However, due to local limitations, tongue twister sound is one of the difficulties in teaching Chinese oral proficiency, and is also one of the major obstacles for learners. Within the scope of this paper, through the study of learner's difficulties in tongue twister sound, we hope to be able to find out the causes, then we can provide implications in teaching in order to not only enhance teaching results but also help learners study better and improve their Chinese language skills.

Key words: causes, implications, tongue twister sound